

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

Số: 03/2016/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tuyên Quang, ngày 05 tháng 3 năm 2016

SỞ TƯ PHÁP T. TUYÊN QUANG

Ngày 18-03-2016

CÔNG VĂN ĐẾN SỐ: 760

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định quản lý hoạt động thoát nước, xử lý nước thải
trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

Căn cứ Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2015 hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 115/TTr-SXD ngày 01/3/2016,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định quản lý hoạt động thoát nước, xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15/3/2016.

Điều 3. Các ông (bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở: Xây dựng, Tư pháp, Giao thông vận tải, Tài Chính, Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương, Nội vụ, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và PTNT; Giám đốc Công an tỉnh, Trưởng ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh, các Trưởng ban quản lý cụm công nghiệp; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Tuyên Quang; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã,

phường, thị trấn; Thủ trưởng các đơn vị vận hành thoát nước và xử lý nước thải; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận: 

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ xây dựng;
- Vụ Pháp chế - Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp; Báo cáo
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội địa phương;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBMT Tổ quốc và các Đoàn thể tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Phòng Tin học – Công báo, Văn phòng UBND tỉnh;
- Báo Tuyên Quang;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Như điều 3 (thực hiện);
- Các Phó chánh VP UBND tỉnh;
- Chuyên viên khối NCTH;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Ngọc Thục

QUY ĐỊNH

Về quản lý hoạt động thoát nước, xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 03/2016/QĐ-UBND ngày 05/3/2016
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)



Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy định này quy định về quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải tại các khu vực đô thị, khu dân cư nông thôn tập trung, khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

b) Các nội dung khác liên quan đến hoạt động thoát nước và xử lý nước thải không nêu tại quy định này thì thực hiện theo Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải và các quy định khác của pháp luật hiện hành có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân và hộ gia đình có hoạt động liên quan đến thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải (trong phạm vi Quy định này) là phí mà hộ thoát nước xả nước mưa, nước thải trực tiếp ra nguồn tiếp nhận phải trả để cải tạo phục hồi môi trường do nước thải gây ra.

2. Hồ kiểm tra là một thành phần của hệ thống thoát nước công cộng dùng để kiểm tra và làm sạch hệ thống ống bên trong của hộ thoát nước tương ứng.

3. Ống nổi là đoạn ống dẫn nước thải từ hồ kiểm tra tới điểm đầu nổi để xả nước thải vào hệ thống thoát nước.

4. Xử lý nước thải phi tập trung là một trong các giải pháp xử lý nước thải cho các khu vực chưa được kết nối hoặc điều kiện thực tế không cho phép kết nối với hệ thống thoát nước tập trung. Nước thải sau khi xử lý đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật quy định trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

Điều 3. Thành phần hệ thống thoát nước

1. Mạng lưới thoát nước cấp 1: Hệ thống cống bao, kênh, mương dẫn nước thải, nước mưa xả vào các kênh mương, sông, ngòi chính có dòng chảy tiêu thoát nước cho khu vực, hoặc vùng.

2. Mạng lưới thoát nước cấp 2: Bao gồm hệ thống cống dọc các đường phố chính có chức năng vận chuyển nước thải và nước mưa, có thể thông qua hoặc không thông qua các trạm bơm, các trạm xử lý, hồ điều hòa, đến hệ thống thoát nước cấp 1.

3. Mạng lưới thoát nước cấp 3: Bao gồm các cống dọc đường phố tại các tiểu khu, cống dẫn nước mưa, nước từ các hố ga mặt đường, dùng để thu gom, truyền tải nước thải, nước mưa của các hộ hoặc nước bề mặt tới mạng lưới thoát cấp 1 và cấp 2.

4. Công trình thuộc hệ thống thoát nước gồm:

- a) Hố kiểm tra, ga thăm, cửa thu nước lề đường, cửa tràn tách nước, v.v...
- b) Trạm bơm nước thải, nước mưa; cống liên quan đến trạm bơm.
- c) Hồ điều hoà và kênh mương.
- d) Cửa xả nước mưa hoặc nước thải đã xử lý vào môi trường tiếp nhận.
- đ) Nhà máy xử lý nước thải, phòng thí nghiệm.
- e) Công trình xử lý bùn cặn.

Điều 4. Chủ sở hữu hệ thống thoát nước

1. Ủy ban nhân dân thành phố Tuyên Quang và Ủy ban nhân dân các huyện (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) và Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh, các Ban quản lý cụm công nghiệp là chủ sở hữu toàn bộ hệ thống thoát nước trên địa bàn mình quản lý, bao gồm:

- a) Hệ thống thoát nước được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc một phần từ ngân sách nhà nước.
- b) Hệ thống thoát nước nhận bàn giao lại từ các tổ chức kinh doanh, phát triển khu đô thị mới trên địa bàn quản lý.
- c) Hệ thống thoát nước nhận bàn giao lại từ các tổ chức, cá nhân bỏ vốn đầu tư để kinh doanh công trình thoát nước trên địa bàn quản lý.

2. Các tổ chức kinh doanh, phát triển khu đô thị mới, khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh được phép sở hữu, quản lý, vận hành hệ thống thoát nước trên địa bàn do mình quản lý đến khi bàn giao theo quy định.

3. Các tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu công trình thoát nước do mình bỏ vốn đầu tư đến khi bàn giao cho Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh, các Ban quản lý cụm công nghiệp theo quy định.

Chương II

QUẢN LÝ, VẬN HÀNH HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC

Điều 5. Lựa chọn đơn vị thoát nước

1. Đối với hệ thống thoát nước đô thị, khu dân cư nông thôn tập trung được đầu tư bằng vốn ngân sách nhà nước, việc lựa chọn đơn vị thoát nước tuân thủ theo quy định pháp luật hiện hành về cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích.

2. Các tổ chức, cá nhân kinh doanh, phát triển khu đô thị mới, khu công nghiệp tổ chức quản lý, vận hành hệ thống thoát nước do mình đầu tư đến khi bàn giao cho Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh, các Ban quản lý cụm công nghiệp theo quy định.

3. Đơn vị thoát nước phải có nhân lực, trang thiết bị và phương tiện kỹ thuật cần thiết để thực hiện các yêu cầu và nhiệm vụ của công tác quản lý, vận hành hệ thống thoát nước mưa và nước thải.

4. Chủ sở hữu hệ thống thoát nước tổ chức lựa chọn đơn vị thoát nước trên địa bàn do mình quản lý.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của đơn vị thoát nước

1. Đơn vị thoát nước có các quyền sau:

a) Ký hợp đồng dịch vụ với hộ thoát nước và thực hiện mọi hoạt động theo hợp đồng dịch vụ đã ký kết.

b) Thu tiền dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải.

c) Được đề nghị với các cấp có thẩm quyền xem xét, sửa đổi, bổ sung các quy phạm, quy chuẩn, các định mức kinh tế - kỹ thuật có liên quan đến hoạt động thoát nước và xử lý nước thải.

d) Được đề xuất các kế hoạch, quy hoạch, cải tạo, mở rộng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải.

đ) Được quyền từ chối nhận bàn giao công trình thoát nước và xử lý nước thải nếu chất lượng công trình không đảm bảo theo quy định hoặc xây dựng không đúng theo quy hoạch chung về thoát nước.

e) Báo cáo với chủ sở hữu, các cơ quan hữu quan có thẩm quyền xử lý các vi phạm của tổ chức, cá nhân gây ảnh hưởng thiệt hại tới hoạt động thoát nước và xử lý nước thải.

g) Giải quyết miễn trừ đấu nối hoặc cho phép hai hộ thoát nước hoặc nhiều hơn được đấu nối vào cùng một vị trí đấu nối và một hố kiểm tra.

2. Đơn vị thoát nước có các nghĩa vụ sau:

a) Đảm bảo việc cung cấp, duy trì ổn định dịch vụ thoát nước, xử lý nước thải cho các hộ thoát nước cả về chất lượng và số lượng theo đúng hợp đồng dịch vụ đã ký.

b) Quản lý tài sản, hồ sơ tài sản, thiết lập và lưu trữ cơ sở dữ liệu hệ thống thoát nước và xử lý nước thải được bàn giao đưa vào khai thác sử dụng; quản lý các hộ thoát nước vào hệ thống thoát nước do mình quản lý.

c) Kiểm tra, đánh giá tình trạng hoạt động của hệ thống thoát nước và xử lý nước thải, đảm bảo việc thu gom, xử lý và xả nước vào môi trường theo thỏa thuận; sửa chữa kịp thời các trục trặc, hư hỏng đảm bảo nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn quy định trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận.

d) Bồi thường thiệt hại gây ra cho hộ thoát nước theo thỏa thuận ghi trong hợp đồng dịch vụ thoát nước, xử lý nước thải và thiệt hại ngoài hợp đồng theo các quy định của pháp luật có liên quan.

đ) Tiếp nhận và giải quyết các kiến nghị, phản ánh có liên quan đến dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải. Giải quyết các khiếu nại về dịch vụ thoát nước, bảo đảm sự hài lòng cao nhất của hộ thoát nước.

e) Bảo vệ an toàn, đảm bảo vận hành hiệu quả, tiết kiệm trong quản lý hệ thống thoát nước và xử lý nước thải theo quy định.

g) Chỉ định rõ vị trí của hố kiểm tra và vị trí đầu nổi trong trường hợp giải quyết miễn trừ đầu nổi hoặc cho phép hai hệ thoát nước hoặc nhiều hơn được đầu nổi vào cùng một vị trí đầu nổi và một hố kiểm tra.

h) Kiểm soát việc xây dựng đúng quy cách đường ống nổi từ nhà ra tới hố kiểm tra kể cả chất lượng vật liệu và kỹ thuật thi công công trình.

Điều 7. Hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước

1. Các chủ sở hữu và các đơn vị thoát nước phải thực hiện ký kết Hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước theo quy định.

2. Hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước có các nội dung chính sau:

a) Các bên ký hợp đồng.

b) Đối tượng hợp đồng.

c) Hồ sơ tài sản (danh mục, giá trị, chất lượng tài sản) mà chủ sở hữu bàn giao cho đơn vị thoát nước.

d) Nội dung công việc thực hiện.

đ) Hồ sơ quản lý mạng lưới, các công trình thoát nước, thu gom xử lý nước thải, quy trình quản lý, vận hành thoát nước và các yêu cầu kỹ thuật.

e) Tiêu chuẩn dịch vụ.

g) Giá trị hợp đồng, điều chỉnh giá trị hợp đồng.

h) Nội dung thanh toán, phương thức thanh toán.

i) Nghĩa vụ, quyền hạn các bên liên quan.

3. Thời hạn hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước:

a) Thời hạn hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước được ký kết 5 năm một lần giữa đơn vị thoát nước với chủ sở hữu.

b) Trước khi kết thúc thời hạn hợp đồng 1 năm, các bên tham gia hợp đồng phải thương thảo việc kéo dài hợp đồng quản lý vận hành và ký kết kéo dài hợp đồng (nếu tiếp tục kéo dài Hợp đồng); Thời hạn kéo dài hợp đồng không quá 5 năm kể từ ngày ký kết kéo dài hợp đồng.

c) Hết thời hạn hợp đồng mà một trong hai bên không muốn tiếp tục kéo dài Hợp đồng thì chấm dứt hợp đồng theo quy định.

Điều 8. Quản lý hệ thống thoát nước mưa

Đơn vị thoát nước có trách nhiệm quản lý hệ thống thoát nước mưa, nội dung quản lý bao gồm:

1. Xây dựng quy trình quản lý hệ thống thoát nước mưa bảo đảm yêu cầu kỹ thuật quản lý, vận hành theo quy định, thực hiện quan trắc chất lượng nước trong hệ thống.

2. Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, nạo vét, duy tu, bảo dưỡng các tuyến cống, mương, hố ga, cửa thu nước mưa, bảo đảm dòng chảy theo thiết kế.

3. Định kỳ kiểm tra, đánh giá chất lượng các tuyến cống, các công trình thuộc mạng lưới, kịp thời đề xuất phương án thay thế, sửa chữa (nếu có) với chủ sở hữu. Đề xuất các phương án phát triển mạng lưới theo lưu vực.

Điều 9. Quản lý hệ thống hồ điều hoà

Đơn vị thoát nước có trách nhiệm quản lý hồ điều hoà, nội dung bao gồm:

1. Kiểm soát các hành vi xả nước thải sinh hoạt và nước thải sinh ra trong quá trình sản xuất, kinh doanh dịch vụ trực tiếp vào hồ điều hoà.

2. Kiểm tra, giám sát việc khai thác, sử dụng hồ điều hoà của các hộ thoát nước tuân thủ theo các quy định để đảm bảo chức năng điều hoà nước mưa và môi trường; Duy trì mực nước ổn định của hồ điều hoà, đảm bảo tốt nhiệm vụ điều hoà nước mưa và các yêu cầu khác.

3. Định kỳ nạo vét đáy hồ, vệ sinh lòng hồ và bờ hồ; Xây dựng quy trình quản lý, khai thác, sử dụng hồ điều hoà.

Điều 10. Quản lý hệ thống thoát nước thải

1. Đơn vị thoát nước có trách nhiệm quản lý hệ thống thoát nước thải, nội dung bao gồm:

a) Định kỳ kiểm tra độ kín, lắng cặn tại các điểm đầu nối, hố ga và tuyến cống để lập kế hoạch nạo vét, sửa chữa, bảo trì cống và công trình trên mạng lưới; Kiểm tra, đánh giá chất lượng công trình, đề xuất các biện pháp thay thế, sửa chữa mạng lưới thoát nước và các công trình trên mạng lưới; Thực hiện quan trắc chất lượng nước thải trong hệ thống phù hợp với pháp luật về bảo vệ môi trường.

b) Thiết lập quy trình quản lý hệ thống thoát nước thải bảo đảm yêu cầu kỹ thuật quản lý, vận hành theo quy định.

c) Đề xuất các phương án phát triển mạng lưới theo lưu vực.

2. Trong trường hợp mạng lưới thoát nước chung thì việc quản lý hệ thống thoát nước được thực hiện như quy định tại Khoản 1, Điều này và Điều 8 của quy định này.

Điều 11. Quy định về xả nước thải tại điểm đầu nối

1. Đối với nước thải sinh hoạt: Các hộ thoát nước được phép xả nước thải trực tiếp vào hệ thống thoát nước tại điểm đầu nối.

2. Đối với các loại nước thải khác: Các hộ thoát nước phải thu gom và có hệ thống xử lý nước thải cục bộ bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật theo quy định trước khi xả vào điểm đầu nối và theo các quy định về đầu nối và thỏa thuận đầu nối.

Điều 12. Quy định về xử lý nước thải tập trung và phi tập trung

1. Nước thải các đô thị, khu, cụm công nghiệp phải được thu gom vào hệ thống thoát nước và xử lý nước thải tập trung, để tiết kiệm chi phí xây dựng vận hành nhà máy xử lý đồng thời đảm bảo việc kiểm soát mức độ ô nhiễm của nước thải trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

2. Tại các khu vực đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp chưa được kết nối hoặc điều kiện thực tế không cho phép kết nối với hệ thống thoát nước tập trung thì cho phép xử lý phi tập trung.

3. Nước thải phải được xử lý đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật quy định và phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

Điều 13. Nạo vét, khơi thông hệ thống thoát nước

Khi tiến hành nạo vét, khơi thông hệ thống thoát nước, đơn vị thoát nước phải thực hiện đảm bảo các nguyên tắc sau:

1. Phải lập kế hoạch cụ thể về thời gian thi công, biện pháp thi công, biện pháp đảm bảo trật tự, an toàn giao thông và bảo đảm vệ sinh môi trường trước khi tiến hành nạo vét, gửi Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp huyện để phối hợp quản lý.

2. Thực hiện các biện pháp cần thiết như đặt tín hiệu, biển báo công trình,... để đảm bảo trật tự, an toàn giao thông.

3. Chất thải nạo vét phải để vào thùng kín, không được để rò rỉ ra ngoài và phải vận chuyển về đúng nơi quy định. Nghiêm cấm để chất thải qua đêm trên đường phố.

4. Vận chuyển chất thải bằng phương tiện chuyên dùng, không được để chất thải rơi vãi khi lưu thông trên đường giao thông công cộng.

5. Nạo vét đến đâu, phải tiến hành đầy nắp đan, chèn khít mạch hệ thống thoát nước đến đó. Không được để miệng cống, hố ga hở qua đêm.

6. Nghiêm cấm tổ chức nạo vét vào các giờ cao điểm từ 11 giờ đến 14 giờ và từ 17 giờ đến 19 giờ hàng ngày. Trường hợp khẩn thiết, việc tổ chức nạo vét vào giờ cao điểm từ 11 giờ đến 14 giờ và từ 17 giờ đến 19 giờ hàng ngày phải được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Điều 14. Quản lý bùn thải của hệ thống thoát nước

1. Bùn thải được phân loại để quản lý và lựa chọn công nghệ xử lý phù hợp, góp phần giảm chi phí vận chuyển, chi phí xử lý.

2. Phân loại bùn thải; lựa chọn công nghệ xử lý bùn thải; thu gom, vận chuyển và xử lý bùn thải thực hiện theo Luật Bảo vệ môi trường và các Quy định hiện hành của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải.

3. Khi đầu tư xây dựng nhà máy xử lý nước thải phải đầu tư xây dựng công trình xử lý bùn thải; bùn thải khi xử lý phải đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn quy định.

Điều 15. Các chính sách hỗ trợ về đầu tư xây dựng, quản lý vận hành hệ thống thoát nước

1. Khuyến khích, thu hút đầu tư theo các hình thức PPP, BT, BOT, ... Mở rộng hình thức nhà nước và nhân dân cùng làm; khuyến khích, vinh danh các tổ chức, cá nhân có nhiều đóng góp. Đổi mới, tăng cường công tác xúc tiến đầu tư nước ngoài; có cơ chế, chính sách phù hợp để thu hút đầu tư; tranh thủ tối đa các nguồn viện trợ phi chính phủ (NGO); vốn ODA; vốn vay ưu đãi và các nguồn hợp pháp khác.

2. Các chính sách ưu đãi về thuế, ưu đãi về tiền thuê đất, thuê mặt nước; hỗ trợ đầu tư, chuyển giao công nghệ đối với các dự án đầu tư xây dựng nhà máy nước, nhà máy xử lý nước thải và hệ thống cấp thoát nước,... thực hiện theo quy định của nhà nước.

Chương III

DỊCH VỤ THOÁT NƯỚC

Điều 16. Hợp đồng dịch vụ thoát nước.

1. Các hộ thoát nước (trừ hộ gia đình) phải thực hiện ký kết hợp đồng dịch vụ thoát nước với các đơn vị thoát nước trước khi đấu nối và xả nước mưa, nước thải vào hệ thống thoát nước công cộng theo quy định.

2. Hợp đồng dịch vụ thoát nước bao gồm nội dung chính sau:

- a) Các bên ký kết hợp đồng.
- b) Xác định vị trí điểm đấu nối.
- c) Khối lượng, chất lượng nước thải xả vào hệ thống.
- d) Phân loại hộ thoát nước theo quy định.
- đ) Chất lượng dịch vụ.
- e) Quyền và nghĩa vụ của các bên.
- g) Giá sử dụng dịch vụ thoát nước, phương thức thanh toán.
- h) Tiêu chuẩn xả thải áp dụng cho hộ thoát nước gián tiếp vào hệ thống thoát nước công cộng.
- i) Giải quyết tranh chấp và vi phạm hợp đồng.

Điều 17. Đấu nối hệ thống thoát nước.

1. Tất cả các hộ thoát nước nằm trong phạm vi có mạng lưới đường ống, cống thu gom nước mưa, nước thải hoặc tại những khu vực đã được đầu tư xây dựng và đưa vào vận hành hệ thống thoát nước là đối tượng bắt buộc phải đấu nối vào hệ thống thoát nước trừ những trường hợp được quy định về miễn trừ đấu nối. Các trường hợp được miễn trừ đấu nối vào hệ thống thoát nước gồm:

a) Gần nguồn tiếp nhận mà chất lượng nước thải bảo đảm yêu cầu vệ sinh môi trường và việc đấu nối vào hệ thống thoát nước chung có thể gây những gánh nặng bất hợp lý về kinh tế cho hộ thoát nước.

b) Tại địa bàn chưa có mạng lưới thu gom của hệ thống thoát nước tập trung.

2. Trường hợp hệ thống thoát nước của khu dân cư nông thôn tập trung, làng nghề cụm công nghiệp và khu công nghiệp đấu nối vào hệ thống thoát nước đô thị thì được coi như một hộ sử dụng dịch vụ thoát nước đô thị và phải tuân theo các quy định đấu nối của hệ thống thoát nước đô thị.

3. Các hộ thoát nước chỉ được phép thực hiện đấu nối vào hệ thống thoát nước công cộng sau khi đã có hồ sơ thỏa thuận đấu nối của đơn vị thoát nước.

4. Hồ sơ đề xuất thỏa thuận đấu nối gồm: Đơn xin đấu nối; Bản vẽ hiện trạng, bản vẽ thiết kế hoặc tài liệu khảo sát thực tế, trong đó xác định rõ: khuôn viên tài sản; vị trí hố ga chờ sẵn để đấu nối vào hệ thống thoát nước công cộng; vị trí vào cao độ của các công trình hiện có, bể tự hoại, hầm rút...

Đối với các hộ thoát nước là các cơ sở sản xuất, cơ sở y tế, cơ sở kinh doanh nhà hàng, khách sạn, ngoài các hồ sơ quy định trên phải kèm theo văn bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền hoặc tài liệu chứng minh hệ thống xử lý nước thải cục bộ đã hoàn thành và chất lượng nước thải sau xử lý cục bộ đạt yêu cầu được phép xả vào hệ thống thoát nước công cộng, phù hợp với chỉ tiêu đầu vào của nhà máy xử lý nước thải.

Các hộ kinh doanh ăn uống, các đơn vị có khẩu phần ăn hoạt động trong giờ cao điểm từ 10 người trở lên phải có bể tách dầu mỡ đúng quy cách trước khi đấu nối nước thải vào hệ thống cống chung.

5. Cao độ của điểm đấu nối phải thấp hơn cao độ các công trình của các hộ thoát nước nhằm đảm bảo nước từ hệ thống thoát nước công cộng không chảy ngược vào. Hộ thoát nước đấu nối phải tự bỏ kinh phí của mình để thực hiện các biện pháp bảo vệ cần thiết tránh nước thải chảy ngược từ hệ thống thoát nước công cộng vào.

6. Tại vị trí điểm đấu nối phải bố trí Hộp đấu nối nhằm đảm bảo ổn định, an toàn cho điểm đấu nối; đồng thời thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát, bảo dưỡng khi cần thiết tránh rò rỉ nước thải. Hộp đấu nối được xây dựng trên phần đất công sát ranh giới giữ phần đất công với đất thuộc quyền sử dụng của các hộ thoát nước. Đơn vị thoát nước thực hiện thiết kế, xây dựng, sửa chữa hộp đấu nối.

7. Hộ thoát nước tự lựa chọn nhà thầu có đủ năng lực, tự chịu chi phí để tổ chức thi công cải tạo và đấu nối hệ thống thoát nước thải (kể cả nước thải từ nhà vệ sinh, nước thải từ tắm giặt, nhà bếp) đến điểm đấu nối, hoàn trả nguyên trạng mặt bằng công cộng đã sử dụng khi thi công.

8. Các hộ thoát nước đều được cung cấp:

a) Một vị trí đấu nối chung cho cả nước thải và nước mưa nếu thuộc lưu vực của hệ thống thoát nước chung.

b) Một vị trí đấu nối vào cống thoát nước thải và một vị trí đấu nối vào cống thoát nước mưa nếu thuộc lưu vực của hệ thống thoát nước riêng.

9. Hệ thống vệ sinh riêng của hộ thoát nước xả thải kể từ công trình trong nhà tới hố kiểm tra thuộc về trách nhiệm của hộ thoát nước đấu nối, kể cả xây dựng, vận hành và bảo dưỡng.

Điều 18. Quản lý bùn thải từ bể tự hoại

1. Các hộ thoát nước trong quá trình sử dụng bể tự hoại tùy theo các thông số thiết kế của bể, định kỳ phải làm sạch và hút cặn bể bằng kinh phí của hộ thoát nước.

2. Các phương tiện, trang thiết bị thông hút, thu gom và vận chuyển bùn bở tự hoại phải là các phương tiện chuyên dụng được phép hoạt động theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Đơn vị thoát nước có thể tham mưu về kỹ thuật, giám sát việc thực hiện và điều phối các hoạt động có liên quan nếu được yêu cầu.

Điều 19. Tiếp cận với các công trình xả nước thải

1. Hộ thoát nước phải tạo điều kiện cho đơn vị thoát nước tiếp cận kiểm tra các công trình xả nước thải bên trong nhà, khuôn viên và cung cấp các số liệu kỹ thuật khi có yêu cầu.

2. Đơn vị thoát nước có quyền lấy mẫu nước thải trong hồ kiểm tra của hộ thoát nước định kỳ 06 tháng hoặc đột xuất; kết quả xét nghiệm mẫu nước thải có thể sử dụng làm cơ sở để tính giá dịch vụ thoát nước.

Điều 20. Tiêu chuẩn dịch vụ thoát nước

1. Đơn vị quản lý vận hành thoát nước phải xây dựng “Mục tiêu chất lượng dịch vụ thoát nước” đồng thời công bố với hộ thoát nước làm căn cứ để đánh giá việc thực hiện dịch vụ. “Mục tiêu chất lượng dịch vụ thoát nước” là một tài liệu không tách rời của hợp đồng quản lý vận hành, hợp đồng dịch vụ thoát nước.

2. Nội dung của “Mục tiêu chất lượng dịch vụ thoát nước” phải được Sở Xây dựng thẩm định đạt yêu cầu trước khi đưa vào sử dụng.

Điều 21. Ngừng dịch vụ thoát nước

1. Đối với các hộ thoát nước là hộ gia đình:

Đơn vị quản lý vận hành hệ thống thoát nước không được ngừng cung cấp dịch vụ thoát nước trong mọi trường hợp, trừ trường hợp được quy định cụ thể trong Hợp đồng quản lý, vận hành.

2. Đối với các hộ thoát nước khác:

a) Vi phạm các quy định về thoát nước mà không gây ảnh hưởng xấu đến môi trường, đơn vị thoát nước có văn bản thông báo về việc vi phạm và yêu cầu hộ thoát nước khắc phục. Sau 15 ngày mà hộ thoát nước không chấp hành thì đơn vị thoát nước ra thông báo lần thứ hai, nếu sau 15 ngày tiếp theo mà hộ thoát nước vẫn không chấp hành thì đơn vị thoát nước được phép ngừng dịch vụ thoát nước theo thoả thuận đã được quy định trong Hợp đồng dịch vụ thoát nước và các quy định của pháp luật về thoát nước;

b) Vi phạm các quy định về thoát nước có gây ảnh hưởng xấu đến môi trường, đơn vị thoát nước tiến hành lập biên bản và yêu cầu hộ thoát nước phải khắc phục ngay. Nếu hộ thoát nước không chấp hành thì bị xử lý theo quy định của pháp luật; đồng thời đơn vị thoát nước được quyền ngừng dịch vụ thoát nước.

3. Dịch vụ thoát nước được khôi phục sau khi hộ thoát nước đã khắc phục hoàn toàn hậu quả do các hành vi vi phạm gây ra, hoàn thành các nghĩa vụ theo quy định.

4. Trường hợp ngừng dịch vụ thoát nước để sửa chữa, cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước, đơn vị thoát nước phải có văn bản thông báo cho các hộ thoát

nước có liên quan biết lý do, thời gian tạm ngừng dịch vụ thoát nước, đồng thời, đơn vị thoát nước phải có biện pháp thoát nước tạm thời để hạn chế ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và sinh hoạt của các hộ thoát nước và giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

5. Nếu điểm xả xảy ra sự cố thì đơn vị quản lý vận hành phải báo cáo chủ sở hữu và thực hiện khắc phục sự cố trong thời gian ngắn nhất, chậm nhất là 15 ngày (kể từ khi sự cố xảy ra), đồng thời có biện pháp hạn chế tối đa thiệt hại môi trường xung quanh.

Điều 22. Giá dịch vụ thoát nước

1. Hộ thoát nước xả nước thải vào hệ thống thoát nước phải thanh toán giá sử dụng dịch vụ thoát nước.

2. Hộ thoát nước xả nước thải trực tiếp ra môi trường có nghĩa vụ trả phí bảo vệ môi trường đối với nước thải theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Giá dịch vụ thoát nước thực hiện theo quy định hiện hành của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang. Riêng đối với các khu, cụm công nghiệp thì giá dịch vụ thoát nước do chủ đầu tư kinh doanh, phát triển hạ tầng khu công nghiệp thỏa thuận với các chủ đầu tư trong khu công nghiệp và quyết định về mức giá (trước khi quyết định phải có ý kiến thỏa thuận của Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh và Sở Tài chính).

Chương IV

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG THOÁT NƯỚC VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Điều 23. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành cấp tỉnh

1. Sở Xây dựng.

a) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo về công tác lập quy hoạch, đầu tư phát triển, quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải; hướng dẫn, đôn đốc, thanh tra, kiểm tra, tổng hợp, báo cáo tình hình quy hoạch, quản lý đầu tư xây dựng, khai thác, sử dụng, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, quản lý vận hành hệ thống thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan lập Kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước trên địa bàn toàn tỉnh (trừ các khu, cụm công nghiệp), trình Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

c) Chủ trì thẩm định nhiệm vụ, đồ án quy hoạch thoát nước và xử lý nước thải vùng, quy hoạch thoát nước và xử lý nước thải đô thị trên địa bàn tỉnh.

d) Cung cấp thông tin về cao độ nền đô thị cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu để đảm bảo thoát nước.

đ) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng phương án giá dịch vụ thoát nước đối với hệ thống thoát nước được đầu tư từ ngân sách nhà nước, gửi Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

e) Chủ trì tham mưu, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành các cơ chế, chính sách thực hiện ưu đãi, hỗ trợ đối với các hoạt động sử dụng nước thải sau xử lý trên địa bàn.

g) Phối hợp với Sở Tài chính thẩm định phương án giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải được đầu tư từ nguồn vốn khác không thuộc ngân sách nhà nước.

h) Thực hiện chức năng, kiểm tra, thanh tra chuyên ngành thoát nước và xử lý nước thải đô thị, khu công nghiệp theo quy định.

i) Hướng dẫn áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về hoạt động xả nước thải từ các hộ thoát nước, khu, cụm công nghiệp xả vào hệ thống thoát nước đô thị.

k) Chịu trách nhiệm lập, quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu của hệ thống thoát nước trên địa bàn tỉnh (trừ các khu, cụm công nghiệp).

2. Sở Tài nguyên và Môi trường.

a) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác bảo vệ môi trường theo phân cấp, phân quyền đối với các công trình thoát nước và xử lý nước thải.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng hướng dẫn áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn quy định về hoạt động xả nước thải vào nguồn tiếp nhận.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan giám sát chất lượng nước thải của hệ thống thoát nước và các hộ thoát nước xả thải trực tiếp vào nguồn tiếp nhận trên địa bàn tỉnh; tổ chức quản lý các điểm xả, chất lượng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận.

d) Thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án đầu tư xây dựng công trình thoát nước và xử lý nước thải; thẩm định hồ sơ đề nghị cấp phép xả nước thải vào nguồn nước theo thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định.

e) Chủ trì việc tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện giấy phép của tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép xả thải vào nguồn nước và xử lý vi phạm theo quy định.

3. Sở Tài chính.

a) Chủ trì thẩm định phương án giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh được đầu tư từ ngân sách nhà nước, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

b) Cho ý kiến thỏa thuận về giá dịch vụ thoát nước trong các khu, cụm công nghiệp để các chủ đầu tư kinh doanh, phát triển hạ tầng khu công nghiệp làm cơ sở quyết định về mức giá theo quy định.

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan có liên quan thẩm định giá dự toán hợp đồng quản lý, vận hành hệ thống thoát nước và xử lý nước thải đô thị, khu công nghiệp được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước.

d) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thu và sử dụng giá dịch vụ thoát nước của chủ sở hữu hệ thống thoát nước và xử lý nước thải đô thị, khu công nghiệp, làng nghề được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước.

đ) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư trong việc bảo đảm cân đối vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước, nghiên cứu, xây dựng cơ chế chính sách nhằm khuyến khích, huy động các nguồn vốn cho công tác quy hoạch, đầu tư phát triển thoát nước và xử lý nước thải.

e) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý về tài chính đối với nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) cho đầu tư phát triển thoát nước và xử lý nước thải.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư.

a) Hàng năm tổng hợp, cân đối nhu cầu vốn từ ngân sách nhà nước và các nguồn vốn khác, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch bố trí vốn cho công tác quy hoạch, xây dựng các dự án công trình thoát nước và xử lý nước thải từ nguồn vốn ngân sách nhà nước.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính thẩm định Kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước trên địa bàn tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

c) Phối hợp với Sở Xây dựng tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành cơ chế ưu đãi, khuyến khích đầu tư xây dựng công trình thoát nước và xử lý nước thải đô thị, khu công nghiệp, làng nghề theo các hình thức đầu tư khác ngoài ngân sách nhà nước.

d) Là đầu mối đăng ký với các bộ, ngành Trung ương kêu gọi nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) cho đầu tư phát triển thoát nước và xử lý nước thải.

đ) Tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục các dự án đầu tư xây dựng công trình thoát nước và xử lý nước thải đô thị, khu công nghiệp để kêu gọi đầu tư theo hình thức xã hội hóa.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

a) Chỉ đạo các đơn vị được giao quản lý hệ thống các công trình thủy lợi liên quan đến thoát nước và xử lý nước thải đô thị, khu công nghiệp phối hợp với đơn vị thoát nước trong việc bảo đảm yêu cầu về cao độ, vị trí xả thải nhằm thoát nước, chống úng ngập và bảo vệ công trình thủy lợi.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan giám sát chất lượng nước thải của các tổ chức, cá nhân xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi; thanh tra, kiểm tra việc thực hiện giấy phép của tổ chức, cá nhân được cấp phép xả nước vào hệ thống công trình thủy lợi và xử lý vi phạm theo quy định.

c) Hướng dẫn áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về hoạt động xả nước thải từ hệ thống thoát nước đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư tập trung vào hệ thống công trình thủy lợi.

6. Sở Giao thông vận tải.

Chủ trì, phối hợp với các cơ đơn vị liên quan trong việc quản lý nhà nước về hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh có liên quan đến kết cấu hạ tầng giao thông thuộc phạm vi quản lý theo quy định hiện hành.

7. Sở Y tế.

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc quản lý nhà nước về hoạt động thoát nước và xử lý nước thải của các bệnh viện và cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định hiện hành.

8. Công an tỉnh.

Phối hợp với các cơ quan chức năng kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về thoát nước theo quy định.

9. Ban quản lý các khu, cụm công nghiệp.

a) Chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan lập kế hoạch đầu tư phát triển thoát nước trong các khu, cụm công nghiệp trình Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định và Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Tổ chức quản lý, vận hành, khai thác hệ thống thoát nước và xử lý nước thải do mình làm chủ sở hữu, gồm: Lựa chọn đơn vị thoát nước, ký kết và thực hiện hợp đồng với đơn vị được lựa chọn; cấp phép đấu nối cho hộ thoát nước; chỉ đạo đơn vị thoát nước tổ chức lập phương án giá dịch vụ thoát nước, trình Sở Tài chính thẩm định, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

c) Cho ý kiến thỏa thuận về giá dịch vụ thoát nước trong khu công nghiệp để các chủ đầu tư kinh doanh, phát triển hạ tầng khu công nghiệp làm cơ sở quyết định về mức giá theo quy định.

d) Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc kiểm tra, giám sát nhà đầu tư kinh doanh hạ tầng các khu, cụm công nghiệp xây dựng theo quy hoạch và thực hiện các quy định về quản lý thoát nước và xử lý nước thải.

đ) Phối hợp với cơ quan thanh tra và quản lý chuyên ngành trong việc tổ chức thanh tra, kiểm tra và xử lý các vi phạm liên quan đến hoạt động thoát nước trong các khu, cụm công nghiệp.

e) Chịu trách nhiệm lập, quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu của hệ thống thoát nước trong các khu, cụm công nghiệp.

g) Tập hợp, lưu trữ hồ sơ quản lý thoát nước; báo cáo công tác quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải các khu, cụm công nghiệp theo định kỳ hàng năm và đột xuất về Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 24. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Tổ chức lập quy hoạch, đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước, xử lý nước thải (bao gồm mạng lưới thu gom và chuyển tải từ hố kiểm tra đến mạng lưới thoát nước cấp 3, cấp 2 và cấp 1) và là chủ sở hữu công trình thoát nước đô thị được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn theo phân cấp.

2. Tổ chức quản lý, vận hành, khai thác hệ thống thoát nước và xử lý nước thải do mình làm chủ sở hữu, gồm: Lựa chọn đơn vị thoát nước, ký kết và thực hiện hợp đồng với đơn vị được lựa chọn; cấp phép đấu nối, xả thải cho hộ thoát nước; chỉ đạo đơn vị thoát nước tổ chức lập phương án giá dịch vụ thoát nước, trình Sở Tài chính thẩm định, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc kiểm tra, giám sát nhà đầu tư kinh doanh hạ tầng xây dựng theo quy hoạch và thực hiện các quy định về quản lý hoạt động thoát nước, xử lý nước thải.

4. Phối hợp với cơ quan thanh tra và quản lý chuyên ngành trong việc tổ chức thanh tra, kiểm tra và xử lý các vi phạm liên quan đến hoạt động thoát nước trên địa bàn.

5. Tập hợp, lưu trữ hồ sơ quản lý thoát nước; báo cáo công tác quản lý hoạt động thoát nước, xử lý nước thải trên địa bàn theo định kỳ và đột xuất về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 25. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

Phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước về thoát nước, tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về thoát nước và xử lý nước thải; báo cáo kịp thời cho Ủy ban nhân dân cấp huyện khi phát hiện các hành vi vi phạm pháp luật về hoạt động thoát nước trên địa bàn để xử lý theo quy định.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 26. Điều khoản thi hành

1. Đơn vị thoát nước có trách nhiệm hướng dẫn các hộ thoát nước xả thải ra vùng tiếp nhận thực hiện các điều khoản có liên quan trong Quy định này. Báo cáo kịp thời cho chủ sở hữu để có biện pháp khắc phục các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện (nếu có).

2. Giám đốc các Sở chuyên ngành liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Tuyên Quang; Trưởng ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh, các Trưởng ban quản lý cụm công nghiệp; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã, thị trấn và Thủ trưởng các đơn vị quản lý vận hành có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy định này.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy định này, nếu có khó khăn vướng mắc, kịp thời phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./. 